**Menu chính**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Về chúng tôi** | **Dịch vụ** | **Tin tức luật** | **Quy định thủ tục** | **Liên hệ** |
| Lịch sử | Sản phẩm vô tuyến, ICT | Dự thảo quy chuẩn, thông tư | Thủ tục nhập khẩu |  |
| Tầm nhìn & sứ mệnh | Điện dân dụng – Điện công nghiệp | Văn bản ban hành | Giấy phép mẫu dấu |  |
| Giá trị cốt lõi | Thiết bị văn phòng | Tin tức mới |  |  |
|  | Sản phẩm mật mã dân sự |  |  |  |
|  | Sản phẩm an ninh mạng |  |  |  |

English

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **About Us** | **Services** | **Legal news** | **Procedure Regulations** | **Contacts** |
| History | Radio and ICT products | Draft regulations and circulars | Import procedures |  |
| Vission & Mission | Civil electricity - Industrial electricity | Issued documents | License sample seal |  |
| Core Values | Office equipment | News |  |  |
|  | Civil cryptography products |  |  |  |
|  | Cyber security products. |  |  |  |

**Dịch vụ - Services**

Mục 1: Sản phẩm vô tuyến, ICT Part 1: Radio and ICT products

|  |  |
| --- | --- |
| **Sản phẩm vô tuyến, ICT** | **Radio and ICT products** |
| **I/ Quy trình**  Bước 1: Xin đăng ký kiểm tra chất lượng để nhập khẩu mẫu (với hàng nhập khẩu chưa có mẫu).  Bước 2: Đo kiểm.  Bước 3: Chứng nhận hợp quy (với sản phẩm thuộc phụ lục I).  Bước 4: Xin cấp CODE (với sản phẩm chứng nhận hợp quy lần đầu).  Bước 5: Đăng ký mẫu dấu (với sản phẩm chưa đăng ký mẫu dấu).  Bước 6: Bổ sung hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng / Công bố hợp quy (hàng sản xuất trong nước)  Bước 7: Gắn nhãn hợp quy  Bước 8: Bán ra thị trường | **I/ Chain Process**  Step 1: Submit to register for quality inspection to import samples (for imported goods without samples).  Step 2: Testing the sample  Step 3: Submit for certificate of conformity (for the products in appendix I).  Step 4: Submit application for CODE (for certified product conformity first time).  Step 5: seal sample registration (for the product has not registered the seal sample)  Step 6: Additional records for quality inspection/ Conformity announcement (domestically produced goods).  Step 7: Label conformity  Step 8: Selling to the market. |
| **II/ Văn bản pháp quy**   * Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 * Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi Nghị định số 132/2008/NĐ-CP * Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 * Thông tư số 11/2020/TT-BTTTT - Danh mục thiết bị thu phát sóng vô tuyến và công nghệ thông tin phải Chứng nhận, Công bố hợp quy * Thông tư 10/2020/TT-BTTTT - Sửa đổi và bổ sung Thông tư 30/2011/TT-BTTTT * Thông tư 18/2018/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung Thông tư 46/2016/TT-BTT   **Hướng dẫn – Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật**   * Bộ TT&TT: Công văn 2305/BTTTT-KHCN (2020) hướng dẫn thực hiện Thông tư 11/2020/TT-BTTTT * Thông tư số 10/2019/TT-BTTTT của Bộ TT & TT - Ban hành QCVN 86:2019/BTTTT * Phân bổ băng mmWave band 24,25 ~ 27,5 GHz cho IMT-2000 5G hoặc phiên bản tiếp theo   **Dự thảo**   * QCVN 54:2020/BTTTT, QCVN 74:2020/BTTTT, dự kiến áp dụng từ 01/07/2021   Tin tức  Bộ TT&TT ban hành QCVN 101:2020/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Pin Lithium | **II/ Legal documents**   * Decree no 132/2008/NĐ-CP dated December 31, 2008 * Decree no 74/2018/NĐ-CP dated May 15, 2018 revision of the Decree no 132/2008/NĐ-CP. * Decree no 154/2018/NĐ-CP November 09, 2018. * Circular no 11/2020/TT-BTTTT - List of radio transmitters and information technology equipment must be certified and announced conformity. * Circular no 10/2020/TT-BTTTT - Revise and add Circular no 30/2011/TT-BTTTT. * Circular no 18/2018/TT-BTTTT – Revise and add Circular 46//2016/TT-BTTTT.   **Guidance-issue of technical regulations**   * Ministry of Information and Communications: Missive no 2305/BTTTT-KHCN (2020) implementation instructions Circular no 11/2020/TT-BTTTT. * Circular no 10/2019/TT-BTTTT of Ministry of Information and Communications issue QCVN86:2019/BTTTT * Allocate to the band mmWave 24,25 ~ 27,5 GHz for IMT- 2000 5G or next version.   **Draft**   * QCVN 54: 2020/BTTTT, QCVN 74: 2020/BTTTT, expected to apply from July 01, 2021.   News  Ministry of Information and Communications issue QCVN 101: 2020/BTTTT - National technical regulations about Lithium battery. |
| **III/ Danh mục sản phẩm chứng nhận HQ**   1. **Danh mục các thiết bị thu phát sóng vô tuyến bắt buộc phải chứng nhận hợp quy, Công bố hợp quy (Phụ lục I Thông tư số 11/2020/TT-BTTTT)**   Các thiết bị điển hình:  - Các thiết bị kết nối với mạng di động: ví dụ điện thoại di động, smart phone, hộp đen theo dõi hành trình ô tô, đồng hồ giám sát trẻ em, modem 2G/3G/4G…  - Thiết bị tích hợp chức năng kết nối WIFI để kết nối internet như Bộ định tuyến (Router), Thiết bị cổng (Gateway), máy tính xách tay, máy tính bảng, máy tính để bàn, máy giặt, TV, Máy in, máy hỗ trợ cá nhân…  - Máy bộ đàm, điện thoại không dây kéo dài dùng công nghệ DECT  - Các cảm biến kết nối không dây, điều khiển từ xa, radar cự ly ngắn, chìa khoá smart key sử dụng trên Ô tô, xe máy.  - Thiết bị RFID reader dùng trong thu phí không dừng, thiết bị điều khiển chiếu sáng bằng vô tuyến,  - Thiết bị thu phát sóng trong iOT (ví dụ thiết bị sử dụng trong hệ thống nhà thông minh công tắc, cảm biến, gateway trung tâm, khoá cửa thông minh, thiết bị không dây dùng trong nhà máy...)  -Thiết bị âm thanh không dây (micro không dây, loa không dây dùng cho sự kiện, phòng họp) sử dụng băng tần VHF, UHF)  - Flycam, thiết bị trạm gốc và repeater dùng trong mạng viễn thông di động cùng một số thiết bị vô tuyến chuyên dùng khác.  - Trạm phát thanh, phát hình, viba    **2. Chứng nhận hợp quy**  2.1 Các phương thức chứng nhận hợp quy:  Phương thức 1: thử nghiệm mẫu điển hình: Áp dụng để thực hiện cấp Giấy chứng nhận hợp quy cho sản phẩm, hàng hóa được sản xuất trong dây truyền đã có chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001 hoặc tương đương), giấy chứng nhận có giá trị 3 năm.  Phương thức 2: thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất: Áp dụng để thực hiện cấp Giấy chứng nhận hợp quy cho sản phẩm, hàng hóa được sản xuất trong dây chuyền chưa có chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001 hoặc tương đương) nhưng có quy trình sản xuất và giám sát đảm bảo chất lượng để đánh giá. giấy chứng nhận có giá trị 3 năm, đánh giá lại quy trình sản xuất hàng năm để duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận  Phương thức 3: thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa:  Áp dụng để thực hiện cấp Giấy chứng nhận hợp quy cho sản phẩm, hàng hóa không áp dụng được theo phương thức 1 hoặc phương thức 5.  2.2. Thành phần bộ hồ sơ chứng nhận hợp quy  - Văn bản đề nghị chứng nhận hợp quy theo mẫu của tổ chức chứng nhận  - Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (chỉ nộp khi chứng nhận lần đầu hoặc khi các giấy tờ có sự thay đổi) (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư, Chứng minh nhân dân/hộ chiếu..).  - Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm đề nghị CNHQ (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; thể hiện đầy đủ các nội dung: tên, ký hiệu, các thông tin kỹ thuật của sản phẩm, ảnh chụp bên ngoài, hãng sản xuất);  - Chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (áp dụng đối với phương thức 1);  - Kết quả đo kiểm (áp dụng đối với phương thức 1);  - Quy trình sản xuất và quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm (áp dụng đối với phương thức 2);  - Tài liệu liên quan đến lô sản phẩm đề nghị chứng nhận hợp quy (áp dụng đối với phương thức 3). | **III/ List of the certified products conformity**   1. **List of radio receivers and transmitters and information technology equipment must be certified and announced conformity (Appendix 1 Circular no 11/2020/TT-BTTTT)**   The typical devices:   * Devices connected to mobile networks: for example mobile phones, smart phones, car track tracking black boxes, child monitoring watches, 2G / 3G / 4G modems ... * Devices intergrate WIFI function for Internet connection such as Router, Gateway, Laptop, Tablet, Desktop, Washing machine, TV, Printer, personal assistant machine… * Handie-talkies, long-lasting cordless phones use DECT technology * Sensors for wireless connection, remote control, short-range radar, smart key used on cars and motorcycles. * The RFID reader is used for non-stop toll collection and the device controls the lighting by radio. * The radio receivers and transmitters in iOT (for example devices used in smart home system switches, sensors, central gateways, smart door locks, wireless devices used in factories ...) * Wireless audio devices (wireless microphone, wireless speaker for event, meeting room) using VHF, UHF bands. * Flycam, base station and repeater devices used in mobile telecommunications networks and a number of other specialized radio devices. * Radio, broadcasting and viba  1. **Certificate of conformity**    1. **Conformity certification methods**   Method 1: Testing typical samples: Apply to issue the Certificate of Conformity for products produced in production lines that have had quality management system certification (ISO 9001 or equivalent), The certificate is valid for 3 years.  Method 2: Testing typical samples and evaluating the production process; supervision through testing of samples taken at the production place or on the market in combination with the evaluation of the manufacturing process: Apply to issue the certificate of conformity for products and goods produced in the production line. have a quality management system certification (ISO 9001 or equivalent) but have a manufacturing process and quality assurance monitoring to validate the certificate for 3 years, reassess the manufacturing process annually to maintain the validity of the certificate.  Method 3: test and evaluate batches of products and goods:  Applying to issue certificates of conformity for products and goods that are not applicable under method 1 or method 5.   * 1. **Composition of conformity certification documents** * A written request for regulation conformity certification, made according to the form set by the certifying body * Copies of documents proving legal status (to be submitted only when the certifying for the first time or when documents change) (Certificate of business registration; Decision / Establishment License, Investment Certificate / Investment license, ID card / passport ..). * Technical documents of the product requesting for regulation conformity certification (in Vietnamese or English; fully show the following contents: name, symbol, technical information of the product, photos taken from outside, the manufacturer export); * Quality management system certification certificate (applicable to method 1); * Test results (applicable to method 1); * Production process and product quality assurance process (applicable to method 2); * Documents related to the product batch requesting for regulation conformity certification (applicable to method 3). |
| **IV/ Danh mục sản phẩm Công bố HQ**  **1. Danh mục các thiết bị ICT chỉ phải công bố hợp quy (phụ lục II Thông tư số 11/2020/TT-BTTTT)**  Ngoài các thiết bị bắt buộc phải Chứng nhận hợp quy, các thiết bị tiêu biểu dưới đây được yêu cầu thực hiện Công bố hợp quy trước khi đưa ra thị trường:  Với các thiết bị thuộc PHụ lục II tiêu biểu: các loại thiết bị giải mã set top box vệ tinh, DVBT-2, DVB-C1, iPTV, thiết bị khuyếch đại Truyền hình cáp, TV có DVB-T2 (iDTV), máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay, Thiết bị điện thoại không dây (loại kéo dài thuê bao), thiết bị VSAT band C/Ku, di động vệ tinh (địa tĩnh) 1-3GHz, bộ đàm CW 27MHz, thiết bị vô tuyến trong nghiệp vụ di động hàng hải, hàng không, thiết bị sạc không dây băng LF, một số thiết bị y tế cấy ghép băng 401-406MHz, thiết bị thu phát vô tuyến cự ly ngắn băng tần trên 40 GHz, một số loại radar 24GHz….  **2. Thủ tục, hồ sơ công bố hợp quy**  *2.1 Hồ sơ với Hàng nhập khẩu: Thời hạn bản tiếp nhận giá trị với 01 lô hàng thời hạn xử lý nếu đủ hồ sơ 2 ngày làm việc;*  - Đơn đề nghị xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu (02 bản)  - Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (chỉ nộp khi chứng nhận lần đầu hoặc khi các giấy tờ có sự thay đổi) (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư, Chứng minh nhân dân/hộ chiếu..).  - Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; thể hiện đầy đủ các nội dung: tên, ký hiệu, các thông tin kỹ thuật của sản phẩm, ảnh chụp bên ngoài, hãng sản xuất);  - Tài liệu liên quan đến lô hàng (Hợp đồng nhập khẩu, bill of lading, packing list, invoice)  *Các giấy tờ khác có thể nộp tại thời điểm nộp đơn hoặc sau 15 ngày kể từ khi Cục Viễn thông cấp xác nhận*  - Kết quả đo kiểm quy chuẩn EMC  - Giấy chứng nhận hợp quy (chỉ áp dụng với sản phẩm thuộc phụ lục I) - Bản tự đánh giá  - Bản đăng ký mẫu dấu (nếu chưa đăng ký cần có công văn đề nghị cấp CODE, Công văn đăng ký mẫu dấu)  *2.2 Hồ sơ với Hàng sản xuất trong nước: Thời trị 03 năm hoặc bằng thời hạn giấy chứng nhận hợp quy; thời hạn xử lý nếu đủ hồ sơ 5 ngày làm việc;*  - Bản công bố  - Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (chỉ nộp khi chứng nhận lần đầu hoặc khi các giấy tờ có sự thay đổi) (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư, Chứng minh nhân dân/hộ chiếu..).  - Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; thể hiện đầy đủ các nội dung: tên, ký hiệu, các thông tin kỹ thuật của sản phẩm, ảnh chụp bên ngoài, hãng sản xuất);  - Kết quả đo kiểm quy chuẩn EMC  - Giấy chứng nhận hợp quy (chỉ áp dụng với sản phẩm thuộc phụ lục I)  - Bản tự đánh giá  - Bản đăng ký mẫu dấu (nếu chưa đăng ký cần có công văn đề nghị cấp CODE, Công văn đăng ký mẫu dấu)  *2.3 Một số lưu ý quan trọng khác cần kiểm tra trước khi nhập khẩu hàng hoá*  - Một số loại thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin có chức năng mã hoá để bảo mật sẽ thuộc nhóm sản phẩm mật mã dân sự (MMDS) và cần giấy phép kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự  - Một số loại thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin có tích hợp chức năng giám sát hệ thống, chống tấn công, chống xâm nhập sẽ thuộc nhóm sản phẩm an toàn thông tin mạng (ATTTM), cần giấy phép kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng  - Một số viễn thông, công nghệ thông tin không thuộc các danh mục trên nhưng nếu khách hàng vẫn cần có văn bản trả lời từ các cơ quan chức năng, GV sẵn sàng hỗ trợ với thời hạn xử lý ngắn nhất, ít ảnh hưởng nhất tới lô hàng của khách hàng | **IV / List of products announced conformity**  **1. List of ICT equipment only subject to regulation conformity announcement (Appendix II of Circular No. 11/2020 / TT-BTTTT)**  In addition to the devices required for the Certificate of Conformity, the following typical devices are required to perform a Declaration of Conformity before being put on the market:  With typical devices in Appendix II: decoder sets top box satellite, DVBT-2, DVB-C1, iPTV, amplifier Cable TV, TV with DVB-T2 (iDTV), desktops, tablets, laptops, cordless telephones (extension), VSAT band C / Ku equipment, 1-3GHz satellite mobile (geostationary), walkie-talkie CW 27MHz, radio equipment in marine and aviation services, LF band wireless chargers, some 401-406MHz band implantable medical devices, short-band short range radio receivers and transmitters frequencies above 40 GHz, some types of 24GHz radar….  **2. Procedures and dossiers for regulation conformity announcement**  *2.1 Documents for imported goods: The time limit for receipt of value for 01 batch of goods, if sufficient documents are 2 working days;*  - Application for confirmation of registration for quality inspection of imported goods (02 copies)  - Copies of documents proving legal status (only to be submitted when certifying for the first time or when documents change) (Certificate of business registration; Decision / Establishment License, Initial Certificate Investment / Investment License, Identity Card / Passport ...).  - Technical documents of the product (in Vietnamese or English; fully show the following contents: name, symbol, product technical information, photos taken from outside, manufacturer);  - Documents related to the shipment (Import contract, bill of lading, packing list, invoice)  *Other documents can be submitted at the time of application or after 15 days since Authority of Telecommunications have confirmed*   * Test results according to standards EMC * Type Approval Cerfiticate (just apply for products listed in Annex I) * Self-assessment * Seal sample registration form (if have not applied, there should be a letter requesting for CODE, a letter of seal sample registration)   2*.2. Documents with domestically produced goods: Validity of 03 years or equal to the term of certificate of conformity; Processing time limit if sufficient documents are 5 working days;*  - Declaration of conformity  - Copies of documents proving legal status (only to be submitted when certifying for the first time or when documents change) (Certificate of business registration; Decision / Establishment License, Initial Certificate Investment / Investment License, Identity Card / Passport ...).  - Documents related to the shipment (Import contract, bill of lading, packing list, invoice)  - Test results according to standards EMC  - Type Approval Cerfiticate (just apply for products listed in Annex I)  - Self-assessment  - Seal sample registration form (if have not applied, there should be a letter requesting for CODE, a letter of seal sample registration)  2.*3. Some other important notes that need checking before importing the goods*  **-** Some types of telecommunications devices, information technology with encryption function for security will belong to the group of civil cryptography products (MMDS) and need a license to trade and import civil cryptography products.  - Some types of telecommunications devices, information technology with integrated system monitoring function, anti-attack, anti-intrusion will belong to the group of network information security products (ATTTM), need a business license, import password of network information security products.  **-** Some telecommunication and information technology devices is not on the above lists, but if the customer still needs a written response from the authorities, GV is ready to assist with the shortest processing time, the least impact on the customer's shipment. |
| **V/ Các tổ chức chứng nhận hợp quy**  TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN 1 (Cục Viễn Thông)  Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà VNTA, đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội    TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN 2 (Cục Viễn Thông)  Địa chỉ: Số 60, đường Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh    TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN 3 (Cục Viễn Thông)  Địa chỉ: Số 42, đường Trần Quốc Toản, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng | V**/ Conformity certification organizations**  VERIFICATION AND CERTIFICATION 1 (Vietnam Telecommunications Authority - Ministry of Information and Communications)  Address: 8 Floor, VNTA Building, Duong Dinh Nghe Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Ha Noi City.  VERIFICATION AND CERTIFICATION 2 (Vietnam Telecommunications Authority - Ministry of Information and Communications)  Address: No. 60, Tan Canh Street, 1 Ward, Tan Binh District, Ho Chi Minh City.  VERIFICATION AND CERTIFICATION 3 (Vietnam Telecommunications Authority - Ministry of Information and Communications)  Address: No. 42, Tran Quoc Toan Street, Hai Chau 1 Ward, Hai Chau District, Da Nang City. |

Mục 2: Điện dân dụng – Điện công nghiệp Part 2: Civil electricity - Industrial electricity

|  |  |
| --- | --- |
| Điện dân dụng – Điện công nghiệp | Civil electricity - Industrial electricity |
| **I/ Quy trình**  Bước 1: Xin đăng ký kiểm tra chất lượng để nhập khẩu mẫu (với hàng nhập khẩu chưa có mẫu).  Bước 2: Đo kiểm.  Bước 3: Chứng nhận hợp quy / Công bố hợp quy tại các Chi Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.  Bước 4: Gắn nhãn hợp quy.  Bước 5: Bán ra thị trường. | I/ Chain Process  Step 1: Submit to register for quality inspection to import samples (for imported goods without samples).  Step 2: Testing the sample  Step 3: Submit for certificate of conformity/ Declaration of conformity in Department of Standards Metrology and Quality  Step 4: Label conformity  Step 5: Selling to the market. |
| **II/ VĂN BẢN PHÁP QUY**   * Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 * Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi Nghị định số 132/2008/NĐ-CP * Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 * [Quyết định 3810/QĐ-BKHCN năm 2019 công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyet-dinh-3810-QD-BKHCN-2019-cong-bo-san-pham-hang-hoa-nhom-2-432815.aspx) * QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN   **Hướng dẫn – Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật**   * Với QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN * Thông tư số 21/2009/TT-BKHCN * Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN * Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN * Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN * Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN * Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN * Với QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN: **Thiết bị điện và điện tử (tương thích điện từ)** * Thông tư số 11/2012/TT-BKHCN * - Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN * - Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN * - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN * - Thông tư số [02/2017/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/thong-tu-02-2017-tt-bkhcn-sua-doi-thong-tu-28-2012-tt-bkhcn-cong-bo-hop-chuan-hop-quy-350642.aspx) * - Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN * - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN * - Thông tư số 07/2018/TT-BKHCN | **II/ Legal documents**   * Decree No. 132/2008 / ND-CP dated December 31, 2008 * Decree No. 74/2018 / ND-CP dated May 15, 2018 amending Decree No. 132/2008 / ND-CP * Decree No. 154/2018 / ND-CP dated November 9, 2018 * Decision 3810 / QD-BKHCN 2019 announced group 2 products under the management responsibility of the Ministry of Science and Technology * QCVN 4: 2009 / BKHCN and Revision 1: 2016 QCVN 4: 2009 / BKHCN   **Guidance - Promulgation of Technical Regulations**   * With QCVN 4: 2009 / BKHCN and Revision 1: 2016, QCVN 4: 2009 / BKHCN * Circular No. 21/2009 / TT-BKHCN * Circular No. 27/2012/ TT-BKHCN * Circular No. 28/2012/ TT-BKHCN * Circular No. 21/2016 / TT-BKHCN * Circular No. 02/2017 / TT-BKHCN * Circular No. 07/2017 / TT-BKHCN * With QCVN 9: 2012 / BKHCN and Revision 1: 2018 QCVN 9: 2012 / BKHCN: Electrical and electronic devices (**electromagnetic compatible**) * Circular No. 11/2012 / TT-BKHCN * Circular No. 13/2013 / TT-BKHCN * Circular No. 27/2012 / TT-BKHCN * Circular No. 28/2012 / TT-BKHCN * Circular No. 02/2017 / TT-BKHCN * Circular No. 07/2017 / TT-BKHCN * Circular No. 07/2018 / TT-BKHCN * Circular No. 07/2018 / TT-BKHCN |
| III/ Danh mục sản phẩm chứng nhận HQ  **3.1.Danh mục**  *1.1 Danh mục theo QCVN 4:2009/BKHCN thì các dụng cụ điện, điện tử thuộc danh mục dưới đây bắt buộc phải Chứng nhận hợp quy an toàn điện:*  - Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời (Bình đun nước nóng nhanh) dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, được thiết kế để đun nước nóng đến nhiệt độ thấp hơn độ sôi của nước, có điện áp danh định không lớn hơn 250V đối với thiết bị một pha và 480V đối với các thiết bị khác  Dụng cụ điện đun nước và chứa nước nóng (Bình đun nước nóng có dự trữ) dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, được thiết kế để đun nước nóng đến nhiệt độ thấp hơn độ sôi của nước, có điện áp danh định không lớn hơn 250V đối với thiết bị một pha và 480V đối với các thiết bị khác. . Bao gồm: a) Bình đun nước nóng có dự trữ dùng trong gia dụng, Thiết bị làm nóng lạnh nước có dự trữ (kể cả có bộ phận lọc nước); Máy lọc và làm nóng lạnh nước,  Thiết bị điện dùng để chăm sóc da hoặc tóc cho con người hoặc động vật, dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250V. Bao gồm: Máy sấy tóc, uốn tóc; Lô uốn tóc có thiết bị gia nhiệt tách rời; Thiết bị gia nhiệt dùng cho phương tiện uốn tóc tháo rời được; Thiết bị tạo nếp tóc lâu dài; Máy hấp tóc (sử dụng hơi nước hấp tóc): Máy là tóc, Máy sấy làm khô tay  Thiết bị điện dùng để đun chất lỏng dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250V. Bao gồm: Nồi cơm điện, Nồi nấu chậm (nồi hầm), Nồi nấu (luộc) trứng, , Nồi hấp, Ấm sắc thuốc, Bếp đun dạng tấm đun (Chảo điện), Nồi áp suất có áp suất nấu danh định không quá 140 kPa và dung tích danh định không vượt quá 10 lít, Thiết bị pha cà phê, Ấm đun nước, Các thiết bị khác dùng để đun sôi nước, có dung tích danh định không quá 10 lít (bao gồm cả phích đun nước, bình đun nước, ca đun nước), Thiết bị đun nóng chai chứa thức ăn, thiết bị đun sữa, Thiết bị đun làm sữa chua, Nồi giặt, Bình thủy điện  Quạt điện dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không vượt quá 250 V đối với quạt điện một pha và 480 V đối với quạt điện khác, có động cơ điện gắn liền với công suất không quá 125W. Bao gồm:  Bàn là điện, bao gồm các loại bàn là sau:Bàn là điện có/không phun hơi nước, Bàn là điện có bình chứa nước hoặc bình tạo hơi nước riêng tách rời có dung tích không lớn hơn 5 lít  Lò vi sóng (bao gồm cả lò vi sóng kết hợp nướng):  Lò nướng điện, vỉ nướng điện (Dụng cụ nhiệt điện gia dụng) loại di động có khối lượng không quá 18 kg. Bao gồm: Bếp đun dạng tấm đun (lò nướng tiếp xúc, vỉ nướng tiếp xúc), Thiết bị kiểu vỉ nướng và tương tự (như lò quay thịt), Lò liền bếp, Máy loại bớt nước trong thực phẩm, Bếp điện, Lò di động, Lò nướng raclette, Lò nướng bức xạ, Lò quay thịt, Lò nướng có chuyển động quay, Lò nướng bánh mỳ, Lò nướng bánh xốp theo khuôn, Thiết bị đun nấu có chức năng nướng bánh  Dây và cáp điện hạ áp (không bao gồm dây và cáp điện có điện áp dưới 50V và trên 1000V)  Dụng cụ điện đun nước nóng kiểu nhúng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250 V (bao gồm cả que đun điện)  *1.2 Danh mục theo QCVN 9:2012/BKHCN Thiết bị điện và điện tử bắt buộc phải Chứng nhận hợp quy tương thích điện từ*  - Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời (ban gồm bình đun nước nóng nhanh sử dụng với mục đích tắm rửa, vòi có bộ phận đun nước nóng nhanh. Không bao gồm các cây nóng lạnh hoặc bình đun nước nóng khác. Không bao gồm sản phẩm sử dụng điện 3 pha).  - Máy khoan cầm tay hoạt động bằng động cơ, sử dụng trong gia dụng có công suất đến 1000W (không bao gồm máy gắn liền với dụng cơ điện hoạt động bằng pin/pin sạc).  - Bóng đèn có balat lắp liền (Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng): Bóng đèn huỳnh quang com-pắc đã có chấn lưu lắp tiền (SEN)  - Máy hút bụi có động cơ gắn liền (bao gồm cả máy hút bụi dùng trong thương mại; không áp dụng đối với máy hút bụi chạy bằng pin hoặc pin sạc hoặc sử dụng nguồn điện một chiều khác). Bao gồm:  - Tủ lạnh, tủ kết đông và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác, loại dùng điện; bơm nhiệt dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự có dung tích đến 1000 lít (Không bao gồm sản phẩm sử dụng điện 3 pha). Bao gồm:  - Máy giặt gia đình hoặc trong hiệu giặt, kể cả máy chỉ có chức năng sấy khô hoặc máy giặt có chức năng sấy khô (không bao gồm các sản phẩm sử dụng điện 3 pha). Bao gồm:  - Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt, sử dụng trong gia dụng và các mục đích tương tự (có giới hạn dòng điện không quá 25A; không bao gồm các sản phẩm sử dụng điện 3 pha). Bao gồm:  - Các sản phẩm, hàng hóa khác : Máy sấy tóc, Máy xay thịt, Máy xay sinh tố, Máy ép trái cây, Máy đánh trứng, Bếp điện (bao gồm bếp điện từ), Lò vi sóng, Lò vi sóng kết hợp.  **3.2. Các phương thức chứng nhận hợp quy**  Có 8 phương thức để chứng nhận hợp quy thiết bị điện, điện tử gia dụng, thông thường Phương thức 1 và Phương thức 5 được khuyến nghị để chứng nhận cho sản phẩm điện và điện tử.  - Phương thức 1; Thử nghiệm mẫu điển hình  - Phương thức 5: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất tại nguồn (đánh giá nhà máy sản xuất)  *2.1 Chứng nhận hợp quy An toàn điện theo QCVN 4:2009/BKHCN:*  Giấy chứng nhận hợp quy có thời hạn hiệu lực 03 năm: Chứng nhận theo Phương thức 5, thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất tại nhà máy. Phương thức này thường được áp dụng cho quy mô sản xuất lớn.  Giấy chứng nhận hợp quy có hiệu lực cho 1 lô hàng: Chứng nhận theo Phương thức 1 và giấy chứng nhận chỉ có giá trị cho một lô hàng nhập khẩu..  *2.2 Chứng nhận hợp quy tương thích điện từ theo QCVN 9:2012/BKHCN:*  Đối với Chứng nhận hợp quy theo QCVN 9:2012/BKHCN, doanh nghiệp có thể đạt được giấy chứng nhận hợp quy có thời hạn hiệu lực 03 năm với chứng nhận theo Phương thức 1 (chỉ thử nghiệm mẫu điển hình - không cần đánh giá tại nguồn sản xuất) | III/ List of products certified conformity  **3.1. Category**  *1.1 List according to QCVN 4: 2009 / BKHCN, electric and electronic tools on the list below are required to certify compliance with electrical safety:*  - Electric instantaneous water heater (hot water heater) for household and similar use, designed to heat water to a temperature below the boiling point of water, at rated zero 250V or more for single-phase devices and 480V for other appliances.  Electric water heater and hot water storage apparatus (Reserved Water Heater) for household and similar purposes, designed to heat water to a temperature below the boiling point of water, at rated voltage rated no more than 250V for single-phase equipment and 480V for others. . Includes: a) Hot water heaters with storage for household use, water heater with reserves (including water filters); Water purifier and heater.  Electrical equipment used for the care of human or animal skin or hair, for domestic use and similar purposes, with a rated voltage not exceeding 250V. Includes: Hair dryer, curling hair; The curling batch has separate heating device; Heating equipment for removable curling media; Equipment for long lasting hair; Hair steamer (using hair steam): Hair dryer, Hand dryer.  Electrical equipment for heating liquids for household and similar use, with a rated voltage not exceeding 250V. Includes: Electric Rice Cooker, Slow Cooker (Stewed Pot), Egg Cooker (Boiler), Steamer, Herbal Pot, Plate Cooker (Electric Pan), Pressure Cooker with nominal cooking pressure exceeding 140 kPa and rated capacity not exceeding 10 liters, Coffee-making equipment, Kettles, Other appliances for boiling water, of a nominal capacity not exceeding 10 liters (including thermos , kettle, kettle), food bottle heater, milk heater, yogurt maker, washing pot, hydroelectric bottle  Electric fans for household and similar purposes, with a rated voltage not exceeding 250 V for single-phase fans and 480 V for other fans, with built-in electric motors of not more than 125W . Include:  Electric irons, including the following types of irons: Electric irons with / without steam, electric irons with separate water tank or steam generator, of capacity not more than 5 liters  Microwaves (including microwave oven combined with grill):  Electric ovens, electric grills (electric appliances for household appliances) are portable a with a weight not exceeding 18 kg. Includes: Cooking Plate Cookers (Contact Grills, Contact Grills), Grill-style Appliances and the like (such as roast ovens), Kitchen ovens,  Food Dehydrating Machine, Electric Stove, Portable Oven, Raclette Oven, Radiation Oven, Meat Roaster, Rotary Motion Oven, Toaster, Molded Muffler, Boiling Equipment cook with baking function Low voltage wires and cables (not including electric wires and cables with voltage below 50V and above 1000V) Electric dipping water heater for household and similar purposes, rated voltage not more than 250 V (including electric heating rod)  *1.2. List according to QCVN 9: 2012 / BKHCN Required electrical and electronic devices Certificate of conformity with electromagnetic compatibility*  - Electric water heater for instantaneous water heater (including hot water heater fast used for bathing, faucet with hot water heater fast. Excluding other hot and cold water heater or water heater. Not including products using 3-phase electricity).  - Hand-held drills operated by engine, for domestic use with a capacity of up to 1000W (excluding machines built-in the electromechanical tools operated by batteries / rechargeable batteries).  - Lamps with built-in ballast (Fluorescent lamps, hot cathode): Fluorescent lamps with built-in ballasts (SEN)  - Vacuum cleaners with built-in engine (Including commercial vacuum cleaners; Not applicable to battery-operated vacuum cleaners or other DC power source). Include:  - Refrigerators, freezers and other refrigerating or freezing equipment, type of electricity use; Heat pumps for domestic and similar purposes with capacity up to 1000 liters (Not including products using 3-phase electricity). Include:  - Washing machines in the home or in the laundry, including those with only the drying function or washing machines with the drying function (excluding products using 3-phase electricity). Include:  - Air conditioners, consisting of a motor-driven fan and elements that change temperature and humidity, including those that do not separately regulate the humidity, for home and other purposes (with a current limit not exceeding 25A; not including products using 3-phase power). Include:  - Other products and goods: Hair dryer, Meat grinder, Blender, Juicer, Egg whisk, Electric cooker (including electric stove), Microwave, Combination microwave.  **3.2. Conformity certification methods**  There are 8 methods to certify electrical equipment, household electronics, generally, modes 1 and 5 are recommended for certification for electrical and electronic products.  - Method 1; Sample testing  - Method 5: Typical sample test and assessment of production process at source (factory assessment)  *2.1 Certification of electrical safety conformity according to QCVN 4: 2009 / BKHCN:*  Certificate of conformity is valid for 03 years: Certified according to Method 5, testing typical samples and evaluating the production process at the factory. This method is often applied to large-scale production.  A valid certificate of conformity for a consignment: The certificate is valid for Mode 1 and the certificate is valid only for one imported consignment ...  *2.2 Certificate of electromagnetic compatibility conformity according to QCVN 9: 2012 / BKHCN:*  For regulation conformity certification according to QCVN 9: 2012 / BKHCN, enterprises can get a certificate of conformity with a validity of 3 years with a certification under Method 1 (testing only typical samples - no need evaluate at source of production) |
| IV/ Các tổ chức chứng nhận  **Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng chỉ định hoặc tổ chức đã đăng ký hoạt động chứng nhận**  Nhà sản xuất trong và các nhà nhập khẩu có thể nộp hồ sơ chứng nhận tại bất kỳ tổ chức chứng nhận nào được chỉ định bới Tổng Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất lượng hoặc tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoạt động chứng nhận. Trong trường hợp sử dụng dịch vụ của GV, chúng tôi sẽ căn cứ theo nhu cầu và ngân sách của doanh nghiệp để tư vấn cho doanh nghiệp lựa chọn tổ chức chứng nhận phù hợp. | IV/ Organizations implementing certification  **Directorate for Standards, Metrology and Quality appoints or organizes, which has registered for certification activities**  Domestic manufacturers and importers can apply for certification document at any certification body appointed by the Directorate for Standards, Metrology and Quality or the certification body registered for certification. In the case of using the services of the GV, we will base on the needs and budget of the business to advise enterprise to choose the appropriate certification organization. |

Mục 3: Thiết bị văn phòng Part 3: Office equipment

|  |  |
| --- | --- |
| Thiết bị văn phòng | Office equipment |
| I/ Quy trình  **Bước 1: Lấy xác nhận cơ sở thử nghiệm hiệu suất năng lượng để thông quan mẫu.**  **Bước 2: Thử nghiệm hiệu suất năng lượng.**  **Bước 3: Công bố phù hợp.**  **Bước 4: Bổ sung hồ sơ hải quan.**  **Bước 5: Dán nhãn năng lượng.**  **Bước 6: Đưa ra thị trường** | I/ Chain Process  **Step 1: Getting the certification of energy efficiency testing facility for sample clearance.**  **Step 2: Testing energy efficiency.**  **Step 3: Announcement compliance.**  **Step 4: Supplement the customs documents.**  **Step 5: Energy labeling.**  **Step 6: Selling to the market.** |
| II/ Văn bản pháp quy   * Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả * [Quyết định 04/2017/QĐ-TTg quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện do Thủ tướng Chính phủ ban hành](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyet-dinh-04-2017-QD-TTg-danh-muc-phuong-tien-thiet-bi-phai-dan-nhan-nang-luong-321322.aspx) * Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ Công thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương   **Hướng dẫn – Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật**  Máy phôtô copy, màn hình máy tính, máy in;   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1 | Đèn huỳnh quang ống thẳng | [TCVN 8249:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-8249-2013-Bong-den-huynh-quang-ong-thang-Hieu-suat-nang-luong-911260.aspx) | | 2 | Đèn huỳnh quang compact | [TCVN 7896:2015](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7896-2015-Bong-den-huynh-quang-compact-Hieu-suat-nang-luong-914904.aspx) | | 3 | Chấn lưu điện từ và điện tử cho đèn huỳnh quang | [TCVN 8248:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-8248-2013-Balat-dien-tu-dung-cho-bong-den-huynh-quang-Hieu-suat-nang-luong-912351.aspx)  [TCVN 7897:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7897-2013-Balat-dien-tu-dung-cho-bong-den-huynh-quang-Hieu-suat-nang-luong-912350.aspx) | | 4 | Máy điều hòa nhiệt độ | [TCVN 7830:2015](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7830-2015-May-dieu-hoa-khong-khi-khong-ong-gio-Hieu-suat-nang-luong-915179.aspx) | | 5 | Tủ lạnh | [TCVN 7828:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7828-2013-Tu-lanh-tu-ket-dong-lanh-Hieu-suat-nang-luong-908282.aspx)  [TCVN 7829:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7829-2013-Tu-lanh-tu-ket-dong-Phuong-phap-xac-dinh-hieu-suat-nang-luong-908283.aspx) | | 6 | Máy giặt sử dụng trong gia đình | [TCVN 8526:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-8526-2013-May-giat-gia-dung-Hieu-suat-nang-luong-phuong-phap-xac-dinh-912370.aspx) | | 7 | Nồi cơm điện | [TCVN 8252:2015](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-8252-2015-Noi-com-dien-Hieu-suat-nang-luong-915357.aspx) | | 8 | Quạt điện | [TCVN 7826:2015](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7826-2015-Quat-dien-Hieu-suat-nang-luong-915347.aspx) | | 9 | Máy thu hình | [TCVN 9537:2012](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-9537-2012-May-thu-hinh-xac-dinh-hieu-suat-nang-luong-907579.aspx) | | 10 | Đèn LED | [TCVN 11843:2017](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-11843-2017-CIE-S-025-2015-Bong-den-LED-den-dien-LED-Phuong-phap-thu-917381.aspx)  [TCVN 11844:2017](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-11844-2017-Den-LED-Hieu-suat-nang-luong-917384.aspx) | | 11 | Bình đun nước nóng có dự trữ | [TCVN 7898 : 2009](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Cong-nghiep/TCVN-7898-2009-binh-dun-nuoc-nong-co-du-tru-Hieu-suat-nang-luong-907987.aspx) | | 12 | Máy phôtô copy | [TCVN 9510:2012](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-9510-2012-May-photocopy-Hieu-suat-nang-luong-907577.aspx) | | 13 | Màn hình máy tính | [TCVN 9508:2012](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Cong-nghiep/TCVN-9508-2012-Man-hinh-may-tinh-Hieu-suat-nang-luong-907575.aspx) | | 14 | Máy in | [TCVN 9509:2012](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Cong-nghiep/TCVN-9509-2012-May-in-Hieu-suat-nang-luong-907576.aspx) | | 15 | Tủ giữ lạnh thương mại | [TCVN 10289:2014](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-10289-2014-Tu-giu-lanh-thuong-mai-Hieu-suat-nang-luong-912807.aspx) | | 16 | Máy tính xách tay | [TCVN 11848:2017](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-11848-2017-May-tinh-xach-tay-Hieu-suat-nang-luong-916838.aspx) | | 17 | Máy biến áp phân phối | [TCVN 8525:2010](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Cong-nghiep/TCVN-8525-2010-May-bien-ap-phan-phoi-hieu-suat-nang-luong-toi-thieu-907980.aspx) | | 18 | Động cơ điện | [TCVN 7540-1:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7540-2013-Dong-co-dien-khong-dong-bo-ba-pha-roto-long-soc-Phan-1-Hieu-suat-912347.aspx) | | II/ Legal documents   * Decree No. 21/2011 / ND-CP dated March 29, 2011 of the Government detail regulates and enforcement measures the Law on economical and efficient use of energy * Decision 04/2017 / QD-TTg regulates the list of vehicles and equipment that must be labeled with energy, applying minimum energy efficiency and implementation route issued by the Prime Minister. * Circular No. 36/2016 / TT-BCT dated December 28, 2016 of the Ministry of Industry and Trade, regulating energy labeling for vehicles and equipment using energy under the management of the Ministry of Industry and Trade   **Guidance - Promulgation of Technical Regulations**  Copy machine, computer screen, printer;   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1 | Straight tube fluorescent lamps | [TCVN 8249:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-8249-2013-Bong-den-huynh-quang-ong-thang-Hieu-suat-nang-luong-911260.aspx) | | 2 | Compact fluorescent lamp | [TCVN 7896:2015](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7896-2015-Bong-den-huynh-quang-compact-Hieu-suat-nang-luong-914904.aspx) | | 3 | Electromagnetic and electronic ballasts for fluorescent lamps | [TCVN 8248:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-8248-2013-Balat-dien-tu-dung-cho-bong-den-huynh-quang-Hieu-suat-nang-luong-912351.aspx)  [TCVN 7897:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7897-2013-Balat-dien-tu-dung-cho-bong-den-huynh-quang-Hieu-suat-nang-luong-912350.aspx) | | 4 | Air conditioner | [TCVN 7830:2015](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7830-2015-May-dieu-hoa-khong-khi-khong-ong-gio-Hieu-suat-nang-luong-915179.aspx) | | 5 | Fridge | [TCVN 7828:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7828-2013-Tu-lanh-tu-ket-dong-lanh-Hieu-suat-nang-luong-908282.aspx)  [TCVN 7829:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7829-2013-Tu-lanh-tu-ket-dong-Phuong-phap-xac-dinh-hieu-suat-nang-luong-908283.aspx) | | 6 | Washing machine is used in the home | [TCVN 8526:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-8526-2013-May-giat-gia-dung-Hieu-suat-nang-luong-phuong-phap-xac-dinh-912370.aspx) | | 7 | Rice cooker | [TCVN 8252:2015](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-8252-2015-Noi-com-dien-Hieu-suat-nang-luong-915357.aspx) | | 8 | Electric fan | [TCVN 7826:2015](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7826-2015-Quat-dien-Hieu-suat-nang-luong-915347.aspx) | | 9 | Television | [TCVN 9537:2012](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-9537-2012-May-thu-hinh-xac-dinh-hieu-suat-nang-luong-907579.aspx) | | 10 | LED lamp | [TCVN 11843:2017](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-11843-2017-CIE-S-025-2015-Bong-den-LED-den-dien-LED-Phuong-phap-thu-917381.aspx)  [TCVN 11844:2017](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-11844-2017-Den-LED-Hieu-suat-nang-luong-917384.aspx) | | 11 | Hot water heater with reserves | [TCVN 7898 : 2009](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Cong-nghiep/TCVN-7898-2009-binh-dun-nuoc-nong-co-du-tru-Hieu-suat-nang-luong-907987.aspx) | | 12 | Copy machine | [TCVN 9510:2012](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-9510-2012-May-photocopy-Hieu-suat-nang-luong-907577.aspx) | | 13 | Computer screen | [TCVN 9508:2012](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Cong-nghiep/TCVN-9508-2012-Man-hinh-may-tinh-Hieu-suat-nang-luong-907575.aspx) | | 14 | Printer | [TCVN 9509:2012](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Cong-nghiep/TCVN-9509-2012-May-in-Hieu-suat-nang-luong-907576.aspx) | | 15 | Commercial refrigerator | [TCVN 10289:2014](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-10289-2014-Tu-giu-lanh-thuong-mai-Hieu-suat-nang-luong-912807.aspx) | | 16 | Laptop | [TCVN 11848:2017](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-11848-2017-May-tinh-xach-tay-Hieu-suat-nang-luong-916838.aspx) | | 17 | Distribution transformers | [TCVN 8525:2010](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Cong-nghiep/TCVN-8525-2010-May-bien-ap-phan-phoi-hieu-suat-nang-luong-toi-thieu-907980.aspx) | | 18 | Electric engine | [TCVN 7540-1:2013](https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Dien-dien-tu/TCVN-7540-2013-Dong-co-dien-khong-dong-bo-ba-pha-roto-long-soc-Phan-1-Hieu-suat-912347.aspx) | |
| **III. DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG**  1. Danh mục thiết bị  1.1 Các thiết bị bắt buộc áp dụng hiệu suất năng lượng tối thiểu (chỉ cần Phiếu thử nghiệm hiệu suất năng lượng để thông quan) Máy phôtô copy, màn hình máy tính, máy in;  1.2 Các thiết bị bắt buộc dán nhãn năng lượng (cần Phiếu thử nghiệm hiệu suất năng lượng và văn bản tiếp nhận của Bộ Công thương để thông quan)  - Thiết bị gia dụng và nhóm thiết bị công nghiệp: Đèn huỳnh quang ống thẳng, đèn huỳnh quang compact, chấn lưu điện từ và điện tử cho đèn huỳnh quang, máy điều hòa nhiệt độ, nồi cơm điện, quạt điện, tủ lạnh, máy giặt lồng ngang, máy giặt lồng đứng, máy thu hình, máy biến áp phân phối ba pha, động cơ điện; Sản phẩm đèn LED, bình đun nước nóng có dự trữ;  - Thiết bị văn phòng và thương mại tủ giữ lạnh thương mại máy tính xách tay  -Phương tiện giao thông vận tải (sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới): dán nhãn năng lượng bắt buộc với tất cả các loại ô tô, xe máy | **III/ LABELING THE ENERGY**   1. List of devices    1. Devices must apply minimum energy efficiency (only need for energy efficiency test slip to clear customs) Copier machine, computer monitor, printer;    2. Mandatory equipment must lable the energy (need for energy efficiency test slip and receiving documents of the Ministry of Industry and Trade for customs clearance)  * Household appliances and industrial equipment group: Straight tube fluorescent lamps, compact fluorescent lamps, electromagnetic and electronic ballasts for fluorescent lamps, air conditioners, rice cookers, electric fans, refrigerators, Horizontal washer, drum washer, television set, three-phase distribution transformer, electric motor; LED products, hot water heaters with reserves; * Office equipment and commercial commercial laptop refrigerator refrigerator * Means of transport (new production, assembly and import): paste force label the energy with all the type of all cars and motorcycles |
| **IV/ Hồ sơ bao gồm**  1. Giấy công bố dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, trong đó nêu rõ doanh nghiệp đăng ký dán nhãn so sánh hay nhãn xác nhận theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm Thông tư 36/2016/TT-BCT.  2. Kết quả thử nghiệm do tổ chức thử nghiệm cấp cho model sản phẩm.  3. Tài liệu chứng minh phòng thử nghiệm nước ngoài đã đáp ứng đủ Điều kiện (Đối với trường hợp việc thử nghiệm dán nhãn năng lượng được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm nước ngoài).  4. Mẫu nhãn năng lượng dự kiến.  *5. Nơi nộp hồ sơ:*Bộ Công thương.  6. Thực hiện dán nhãn năng lượng  Cơ sở sản xuất và doanh nghiệp nhập khẩu tự thực hiện việc in, dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị được cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng.  Hàng năm, các cơ sở này có trách nhiệm gửi báo cáo tới Sở Công thương tại địa phương; đồng thời, cơ sở phải thống kê về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị được dán nhãn năng lượng đã đưa ra thị trường trong năm và gửi về Bộ Công thương trước ngày 01/3 năm tiếp theo. | **IV / Records included**   1. Declaration of energy labeling for means and equipment using energy, inside clearly showing that the enterprise registers to label comparison or certification label according to the form in Appendix 1 issued together with Circular 36/2016 / TT -BCT. 2. Test results are issued by the testing organization for the product model 3. Documents proving that the foreign laboratory has satisfy the conditions (In the case where the testing of energy labeling is carried out by a foreign testing organization). 4. Expected labeling energy sample 5. *Place of application*: Ministry of Industry and Trade. 6. Proceeding with energy labeling   Manufactures and importing enterprises self-print and paste the label energy for means and equipment that have been issued with Energy Labeling Certificate.  Every year, these facilities are responsible for submitting reports to the local Department of Industry and Trade; at the same time, the facilities must make statistics on the number and types of means and equipment labeled with energy on the market in the year and send them to the Ministry of Industry and Trade before March 1 of the following year. |
| **V/ Các tổ chức chứng nhận**  Cục Viễn Thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông chứng nhận các thiết bị phát và thu phát sóng vô tuyến, thiết bị công nghệ thông tin.  Các cơ quan chứng nhận có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận thiết bị điện và điện tử gia dụng.  Tổng Cục năng lượng thuộc Bộ Công thương tiếp nhận Công bố hợp quy về hiệu suất năng lượng.  Ví dụ 1: Nồi cơm điện sẽ phải Chứng nhận hợp quy ở Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời phải tiến hành các thủ tục dán nhãn năng lượng do Bộ Công thương quản lý.  Ví dụ 2:Tủ lạnh có tích hợp chức năng thu phát song vô tuyến sẽ phải chứng nhận hợp quy ở cả Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Khoa học và Công nghệ. | **V / Certification bodies**  Authority of Telecommunications certifies radio transmitters and transceivers, information technology equipment.  The competent certification bodies under the Ministry of Science and Technology certify household electrical and electronic equipment.  General Department of Energy belongs Ministry of Industry and Trade receiving declaration of conformity on energy efficiency  Example 1: The rice cooker will have to certify conformity at the Ministry of Science and Technology, and at the same time have todprocees the energy labeling procedures managed by the Ministry of Industry and Trade.  Example 2: A refrigerator with integrated radio transceiver function will have to certify conformity at both the Ministry of Information and Communications and the Ministry of Science and Technology. |

Mục 4: Sản phẩm mật mã dân sự Part 4: Civil cryptography products

|  |  |
| --- | --- |
| Sản phẩm mật mã dân sự | Civil cryptography products |
| **I/ Quy trình**  Bước 1: Xin giấy phép kinh doanh sản phẩm/dịch vụ mật mã dân sự.  Bước 2: Xin giấy phép xuất nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ Mật mã dân sự | I/ Chain Process  Step 1: Apply for a product trading license / civil cryptography service.  Step 2: Apply for a permit to import and export civil cryptography products and services |
| **II/ Văn bản pháp quy**   * Luật An toàn Thông tin mạng số 86/2015/QH13 * Nghị Định số 58/2016/NĐ-CP (được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị Định số 53/2018/NĐ-CP). | **II/ Legal documents**   * Law on Network Information Security No. 86/2015 / QH13 * Decree No. 58/2016 / ND-CP (amended and supplemented by Decree No. 53/2018 / ND-CP). |
| **III/ Danh mục s**ản phẩm sinh khóa mật mã, quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã.  1. Thành phần mật mã trong hệ thống PKI.  3. Sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ  4. Sản phẩm bảo mật dữ liệu trao đổi trên mạng  5. Sản phẩm bảo mật luồng IP và bảo mật kên  6 Sản phẩm bảo mật thoại tương tự và thoại số  7. Sản phẩm bảo mật vô tuyến  8. Sản phẩm bảo mật Fax, điện báo  Các sản phẩm thường gặp có tính năng mật mã dân sự thuộc diện phải xin giấy phép kinh doanh và phải giấy phép nhập khẩu (liệt kê trong Phụ lục 2 của Nghị định 53/2018/NĐ-CP):  - Token để xác thực thanh toán sử dụng trong lĩnh vực ngân hàng  - Thiết bị tường lửa có tính năng bảo mật luồng IP hoặc bảo mật kênh (firewall)  - Thiết bị định tuyến (Router) có tính năng bảo mật luồng IP hoặc bảo mật kênh (VD Router Cisco)  - Thiết bị trong mạng nội bộ không dây Wi-Fi (HS Code 8517.62.51) có tính năng bảo mật luồng IP hoặc bảo mật kênh  - Thết bị cổng (Gateway) có tính năng mã hóa  - Thiết bị chuyển mạch có tính năng bảo mật, mã hoá (VD thiết bị chuyển mạch của Cisco hoặc Juniper)  - Một số loại SIM đặc biệt VD như SIM M2M (machine to machine) có chức năng mã hóa được nhúng thẳng vào SIM  - Các Appliances (thiết bị xử lý dữ liệu tự động) sử dụng trong lĩnh vực Ngân Hàng  - Các Appliance sử dụng trong hệ thống VOIP.......  **.** Các sản phẩm thường gặp có tính năng mật mã dân sự thuộc diện phải xin giấy phép kinh doanh nhưng *không thuộc diện phải giấy phép nhập khẩu* (liệt kê trong Phụ lục 1 của Nghị định 58/2016/NĐ-CP):  - Phần mềm có tính năng mã hoá encryption  - Máy cà thẻ thanh toán (POS) có tính năng mã hoá bảo vệ PIN  - Khoá cửa dùng trong hệ thống nhà thông minh có tính năng mã hoá  - Hệ thống họp online có tính năng mã hoá đầu cuối để bảo mật (VD hệ thống Webex của Cisco)  - Điện thoại di động smartphone có tính năng mã hoá đầu cuối, loại bảo mật chuyên dùng (VD Điện thoại sử dụng cho nguyên thủ quốc gia)  - Thiết bị trong mạng nội bộ không dây Wi-Fi (Access Point hoặc Router) có chức năng mã hoá để bảo mật mật khẩu WPA / WPA2 , có phạm vi phát sóng vượt 400m, nhưng không có tính năng bảo mật luồng IP và bảo mật kênh | **III / Catalog of cryptographic key generation products, cryptographic key management or storage.**   * Cryptographic components in the PKI system. * Stored data security products * Data security products exchanged on the network * IP and channel security products * Analog and digital voice security products * Wireless security products * Fax and telegraph security products * Common products with civil cryptography are required to apply for a business license and import license (listed in Appendix 2 of Decree 53/2018 / ND-CP): * Token for payment authentication used in the banking sector * Firewall device with IP flow security or channel security (firewall) * Router with IP flow security or channel security (eg Cisco Router) * Device in wireless local area network Wi-Fi (HS Code 8517.62.51) with features of IP stream security or security of channels * The Gateway device has encryption feature * Switches devices have security features, encryption (eg Cisco or Juniper switches) * Some special types of SIMs such as SIM M2M (machine to machine) have encryption function embedded directly into the SIM * Appliances (automatic data processing equipment) used in the banking sector * The Appliance used in the VOIP system ...   Common products with civil cryptography are required to apply for a business license *but are not belong to an import license* (listed in Appendix 1 of Decree 58/2016 / ND-CP):   * Software has encryption feature * Payment card machine (POS) with PIN protection encryption * The door lock used in the smart home system has an encryption feature * Online meeting system with end-to-end encryption for security (eg Cisco Webex system) * Mobile phone smartphone with end-to-end encryption, a specialized security type (eg Phones used for heads of state) * The device in the Wi-Fi wireless local area network (Access Point or Router) has encryption to secure WPA / WPA2 passwords, has a range of over 400 meters, but does not have IP stream security and channel security feature. |
| **Dịch vụ xin giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**  *a) Điều kiện*  Yêu cầu đối đối với nhân sự (cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật):  - Có tối thiểu 02 kỹ sư tốt nghiệp một trong các ngành sau: điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán học, an toàn thông tin.  - Cán bộ quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu về chuyên môn bảo mật, an toàn thông tin.  Yêu cầu về nhân sự, chứng chỉ đào tạo đối với doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự là thấp hơn yêu cầu đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mật mã dân sự  - Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với quy mô kinh doanh  - Có phương án kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự  - Có phương án kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự  *b/ Bộ hồ sơ xin Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự bao gồm các tài liệu sau*  (1) Đơn đề nghị cấp phép theo mẫu  (2) Bản sao giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận pháp nhân có giá trị tương đương  (3) Bản sao văn bằng đại học và chứng chỉ liên quan đến bảo mật, an toàn thông tin của đội ngũ kỹ thuật và cán bộ quản lý  (4) Phương án kỹ thuật (mô tả đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, chất lượng dịch vụ, giải pháp kỹ thuật)  (5) Phương án bảo mật an toàn thông tin mạng trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự  (6) Phương án kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự  (7) Phương án bảo hành, bảo trì sản phẩm cung cấp ra thị trường.  *c/ Cơ quan tiếp nhận và thời hạn thụ lý hồ sơ*  - Cơ quan tiếp nhận và thụ lý hồ sơ: Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã - Ban Cơ yếu Chính phủ (NACIS)  - Quy trình thẩm định điều kiện và đánh giá hồ sơ thông thường sẽ từ 1 - 1.5 tháng tùy theo việc chuẩn bị các hồ sơ xin cấp phép đã đầy đủ và chi tiết hay chưa.  Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự có thời hạn hiệu lực 10 năm, phí cấp phép sẽ phụ thuộc vào số loại sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xin cấp phép. Trong quá trình kinh doanh, nếu doanh nghiệp có nhu cầu mở rộng hạng mục sản phẩm, dịch vụ hoặc thay đổi liên quan đến giấy phép, doanh nghiệp làm bộ hồ sơ bổ sung, sửa đổi giấy phép kinh doanh theo quy định tại Luật An toàn Thông tin mạng số 86/2015/QH13 và Nghị Định số 58/2016/NĐ-CP (được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị Định số 73/2018/NĐ-CP) | **Services of applying for the business license of civil cryptographic products and services**   1. *Conditions*   Requirements for personnel (managers and technicians):   * There are at least 02 engineers graduated from one of the following disciplines: electronics - telecommunications, information technology, mathematics, and information security. * Executive management officer sastifies professional requirements on information security and safety.   Requirements for personnel, training certificates for businesses trading in civil cryptography products are lower than requirements for businesses providing civil cryptography services.   * Having facilities and equipment suitable to the business scale * Having a technical plan in accordance with technical standards and regulations applicable to civil cryptographic products and services * Having a business plan for civil cryptographic products and services.   *b / The dossier of application for a business license for civil cryptographic products and services includes the following documents*  (1) Đơn đề nghị cấp phép theo mẫu  (2) Copy of certificate Business License  (3) Copies of university diplomas and certificates related to information security and safety of technical staff and managers  (4) Technical plan (describe product specifications, service quality, technical solution)  (5) Plan for network information security and security in the process of providing civil cryptographic products and services  (6) Business plan for civil cryptographic products and services  (7) Plan for product warranty and maintenance to be provided to the market.  *c / Agency receive and application processing deadline*   * Receiving and processing agency: Department of Civil Cryptography Management and Cryptographic Product Testing - Government Cipher Committee (NACIS) * Condition assessment process and application assessment will usually take 1 - 1.5 months depending on whether or not the preparation of the application dossiers is complete and detailed.   The license for trading in civil cryptographic products and services is valid for 10 years, the license fee will depend on the number of types of civil cryptographic products and services applying for. In the course of business, if the enterprise has a need to expand the product or service category or change related to the license, the enterprise shall make an additional dossier or amend the business license in accordance with the Law. Network information Security No. 86/2015 / QH13 and Decree No. 58/2016 / ND-CP (amended and supplemented by Decree No. 73/2018 / ND-CP) |
| **Dịch vụ xin giấy phép nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự** | **Services of applying for permits to import civil cryptographic products and services** |
| Sau khi đã có được Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự doanh nghiệp chuẩn bị bộ hồ sơ xin Giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự bao gồm  - Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu  - Bản sao Giấy phép kinh doanh sản phẩm (và dịch vụ) mật mã dân sự  - Bản sao giấy chứng nhận hợp quy thiết bị mật mã dân sự theo quy chuẩn của Bộ Quốc Phòng (hiện tại Bộ Quốc Phòng đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm MMDS sử dụng trong lĩnh vực ngân hàng song vẫn chưa yêu cầu áp dụng chứng nhận hợp quy. Dự kiến các sản phẩm MMDS sẽ bắt buộc phải chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn của sản phẩm MMDS từ cuối năm 2020 hoặc năm 2021)  Giấy phép nhập khẩu thiết bị mật mã dân sự đã từng được cấp với thời hạn hiệu lực 02 năm. Kể từ đầu năm 2019, Ban Cơ Yếu Chính Phủ chỉ cấp giấy phép nhập khẩu với thời hạn hiệu lực 01 năm, điều này được cho là để chuẩn bị cho việc Chứng nhận hợp quy cho sản phẩm, thiết bị mật mã dân sự sắp tới. Sau khi giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực, doanh nghiệp nhập khẩu phải xin cấp phép lại với điều kiện là giấy phép kinh doanh vẫn còn hiệu lực.  Lưu ý quan trọng:  (1) Nếu một thiết bị có cả tính năng mật mã dân sự và tính năng an toàn thông tin mạng (theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-BTTTT) thì doanh nghiệp chỉ phải xin một loại giấy phép kinh doanh, giấy phép nhập khẩu cho thiết bị mật mã dân sự. Hai loại giấy phép này không áp dụng đồng thời đối với cùng một sản phẩm.  (2) Có nhiều sản phẩm mật mã dân sự thuộc diện phải xin Giấy phép kinh doanh MMDS tại Phụ lục 1 của Nghị Định số 58/2016/NĐ-CP (được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị Định số 53/2018/NĐ-CP) nhưng không thuộc diện phải xin giấy phép nhập khẩu do vậy doanh nghiệp có thể vô tình không biết do không gặp vướng mắc khi nhập khẩu. Đối với các sản phẩm này, doanh nghiệp vẫn phải xin giấy phép kinh doanh đúng theo quy định.  (3) Có nhiều doanh nghiệp chỉ thực hiện phân phối thứ cấp, không trực tiếp nhập khẩu các sản phẩm MMDS thuộc Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Nghị Định số 58/2016/NĐ-CP (được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị Định số 53/2018/NĐ-CP). Đối với trường hợp này, doanh nghiệp phân phối thứ cấp vẫn phải xin giấy phép kinh doanh MMDS đúng theo quy định. | After getting a license to trade in civil cryptographic products and services, the enterprise shall prepare a set of dossiers to apply for a license to import civil cryptographic products, including:  - Application for import license  - Copy of business license for civil cryptography products (and services)  - A copy of the certificate of conformity with civil cryptographic equipment according to the regulations of the Ministry of Defense (currently the Ministry of Defense has issued technical regulations for MMDS products used in the banking sector but has not yet requested it. requirements for certification of conformity. It is expected that MMDS products will be required to be certified as compliant with the MMDS product's standards from the end of 2020 or 2021)  Permit to import civil cryptographic equipment has been granted with a validity period of 02 years. Since the beginning of 2019, the Government Cipher Committee has only issued an import license with a validity period of 1 year, which is supposed to prepare for the upcoming certification of civil cryptographic equipment and products. After the import permit expires, the importing enterprise must apply for a re-license, provided that the business license is still valid.  Important Note:   1. If a device has both civil cryptography and network information security features (as specified in Circular 13/2018 / TT-BTTTT), the enterprise only has to apply for one type of business license, Import license for civil cryptographic equipment. These two licenses do not apply to the same product at the same time. 2. There are many civil cryptographic products that are required to apply for an MMDS business license in Appendix 1 of Decree No. 58/2016 / ND-CP (amended and supplemented by Decree No. 53/2018 / ND-CP) but is not required to apply for an import license, so enterprises may accidentally not know because they do not encounter problems when importing. For these products, businesses still have to apply for a business license in accordance with regulations. 3. There are many enterprises that only carry out secondary distribution, not directly import MMDS products in Appendix 1 and Appendix 2 of Decree No. 58/2016 / ND-CP (amended and supplemented). by Decree No. 53/2018 / ND-CP). In this case, the secondary distribution business must still apply for the MMDS business license in accordance with the regulations. |

Mục 5: Sản phẩm an ninh mạng Part 5: Cyber security products

|  |  |
| --- | --- |
| Sản phẩm an ninh mạng | Cyber security products |
| I/ Quy trình  Bước 1: Xin giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.  Bước 2: Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng | I/ Chain Process  Step 1: Apply for a business license for network information security products and services. Step 2: License to import network information security products |
| II/ Văn bản pháp quy   1. Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 do Quốc Hội ban hành ngày 19/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/07/2016   Nghị định số 108/2018/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 23/08/2018, có hiệu lực kể từ ngày 10/10/2018  Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 15/10/2018, có hiệu lực từ ngày 01/12/2018, quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng    2. Văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan  Công văn số 518/CATTT-CP của Cục An toàn thông tin - Bộ TT & TT gửi Tổng cục Hải quan về hướng dẫn quy định về Giấy phép nhập khẩu sản phẩm ATTTM  Công văn số 3508/GSQL-GQ1 ngày 05/01/2018 của Cục GSQL về Hải quan - Tổng cục Hải quan gửi Cục Hải quan các tỉnh, thành phố về Giấy phép nhập khẩu sản phẩm ATTTM  Công văn số 1027/2019/BTTTT-ATTT của Bộ TT & TT gửi Tổng cục Hải Quan đề nghị phối hợp triển khai thực hiện Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT | II / Legal documents  1. Law on Cyber ​​Information Security No. 86/2015 / QH13 promulgated by National Assembly on November 19, 2015, takes effect from July 1, 2016.  Decree No. 108/2018 / ND-CP issued by the Government on August 23, 2018, effective from October 10, 2018  Circular No. 13/2018 / TT-BTTTT, issued by the Ministry of Information and Communications on October 15, 2018, effective from December 1, 2018, regulating the List of imported network information security products. according to the license and the order, procedures, and dossiers for the license to import network information security products    2. Related implementation instruction documents  Official Letter No. 518 / CATTT-CP of the Department of Information Security - Ministry of Information and Communications sent to the General Department of Customs on guiding regulations on product import license  Official Letter No. 3508 / GSQL-GQ1 dated 05/01/2018 of GSQL on Customs - General Department of Customs sent to the Customs Departments of provinces and cities about the Import Permit  Official Letter No. 1027/2019 / BTTTT-ATTT of the Ministry of Information and Communications sent to the General Department of Customs to request the coordination in implementing Circular No. 13/2018 / TT-BTTTT |
| **III/ Danh mục sản phẩm**  1. Sản phẩm kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng là các thiết bị phần cứng, phần mềm có các chức năng cơ bản sau: Rà quét, kiểm tra, phân tích cấu hình, hiện trạn, dữ liệu nhật ký của hệ thống thông tin; phát hiện lỗ hổng, điểm yếu; đưa ra đánh giá rủi ro an toàn thông tin.  2. Sản phẩm giám sát an toàn thông tin mạng là các thiết bị phần cứng, phần mềm có các chức năng cơ bản sau: Giám sát, phân tích dữ liệu nhật ký theo thời gian thực; phát hiện và đưa ra sự kiện cảnh báo sự kiện bất thường, có nguy cơ gây mất an toàn thông tin  3. Sản phẩm chống tấn công, xâm nhập là các thiết bị phần cứng, phần mềm có chức năng cơ bản ngăn chặn tấn công, xâm nhập vào hệ thống thông tin.  Các sản phẩm có tính năng an toàn thông tin mạng thường gặp trên thực tế:  - Các appliance (máy xử lý dữ liệu tự động) được thiết kế cho chức năng kiểm tra, đánh giá ATTTM. QRadar Incedent Forensic G3 Appliance của hãng IBM là một ví dụ cho sản phẩm kiểm tra, đánh giá ATTTM.  - Các appliance (máy xử lý dữ liệu tự động) được thiết kế cho chức năng giám sát ATTTM. Các sản phẩm QRadar Network Insight Appliance và QRadar Event Collector Appliance của hãng IBM là các ví dụ do loại sản phẩm này.  - Các appliance được thiết kế cho chức năng chống tấn công xâm nhập mà dòng sản phẩm NX series của hãng FireEye Inc. là một ví dụ điển hình.  - Các Appliances (thiết bị xử lý dữ liệu tự động) sử dụng trong lĩnh vực Ngân Hàng hoặc chuyên dùng với mục đích an toàn thông tin. Việc phân loại được đánh giá theo chức năng chính của sản phẩm.  - Các thiết bị mạng LAN có chức năng chống tấn công xâm nhập là chức năng chính.  LƯU Ý:  (1) Sản phẩm ATTTM bao gồm cả loại sản phẩm phần cứng và loại sản phẩm là phần mềm. Thông thường phần mềm do có thể được kinh doanh theo cách tải từ điện toán đám mây cloud nên nhiều doanh nghiệp sơ sót, không biết loại sản phẩm này thuộc phạm vi điều chỉnh của giấy phép.  (2) Nếu một thiết bị có cả tính năng mật mã dân sự và tính năng ATTTM thì doanh nghiệp chỉ phải xin một loại giấy phép kinh doanh, giấy phép nhập khẩu cho thiết bị mật mã dân sự. Các sản phẩm đã được xác định là sản phẩm mật mã dân sự, đã được cấp giấy phép mật mã dân sự thì không thuộc diện phải xin giấy phép an toàn thông tin mạng.  Căn cứ pháp lý như sau:  - Căn cứ theo Điểm c, Khoản 6, Điều 38 của Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 thì sản phẩm mật mã dân sự không thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông  - Căn cứ theo Khoản 1, Điều 42 của Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 thì sản phẩm mật mã dân sự không nằm trong phạm vi cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng  (3) Thiết bị tường lửa có chức năng mô tả là sản phẩm chống tấn công xâm nhập, điều này hoàn toàn đúng song gần như 100% thiết bị tường lửa có chức năng mã hoá mật mã dân sự. Do đó, loại giấy phép cần thiết để nhập khẩu thiết bị tường lửa là giấy phép kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự chứ không phải giấy phép kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm ATTTM.  (4) Có trường hợp sản phẩm ATTTM thuộc diện phải xin Giấy phép kinh doanh sản phẩm ATTTM nhưng không thuộc diện phải xin giấy phép nhập khẩu do vậy doanh nghiệp có thể vô tình không biết do không gặp vướng mắc khi nhập khẩu. Đối với các sản phẩm này, doanh nghiệp vẫn phải xin giấy phép kinh doanh đúng theo quy định.  (5) Dịch vụ an toàn thông tin mạng trong phạm cấp phép của Bộ Thông tin và Truyền thông không bao gồm 03 loại dịch vụ mật mã dân sự do Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý  (6) Sản phẩm, dịch vụ ATTTM là các sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến an ninh quốc gia, chỉ các doanh nghiệp đủ điều kiện mới được cấp phép và Bộ Thông tin Truyền thông, Cục An toàn thông tin có quy hoạch cho việc cấp phép theo từng thời kỳ. Tính đến thời điểm hiện tại mới chỉ có 84 doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.. | **III / Product list**  1. Products for checking and assessing network information security are hardware devices and software with the following basic functions: Scanning, checking, analyzing configuration, display, and log data of information system; detect flaws, weaknesses; Provide an information security risk assessment.  2. Network information security monitoring products are hardware devices and software with the following basic functions: Monitoring and analyzing log data in real-time; Event detection and output warning abnormal events, potentially causing information insecurity  3. Anti-attack and intrusion products are hardware equipment and software with basic functions to prevent attacks or intrusion into information systems.  Commonly used products with network information security features:  - The appliances (automatic data processing machines) are designed for the function of testing and evaluating the security of safety. QRadar Incident Forensic G3 Appliance of IBM is an example of a product of security inspection and evaluation.  - The appliances (automatic data processing machines) are designed for security monitoring function. The QRadar Network Insight Appliance and the IBM QRadar Event Collector Appliance products are examples of this type of product.  - The appliances are designed for anti-intrusion functionality that FireEye Inc.'s NX series products are. is a good example.  - Appliances (automatic data processing equipment) used in the Banking sector or specialized for information security. The classification is evaluated according to the main function of the product.  - LAN devices with anti-intrusion function are the main function.  NOTE:  (1) Security product products include both hardware products and software products. Normally, because the software can be traded by downloading from the cloud, many businesses fail to know that this product is covered by the license.  (2) If a device has both civil cryptographic features and security features, the enterprise only has to apply for one type of business license, import license for civil cryptographic equipment. Products identified as civil cryptographic products and having been granted a civil cryptographic license are not required to apply for a network information security license.  The legal bases are as follows:  - Pursuant to Point c, Clause 6, Article 38 of the Law on Cyber ​​Information Security No. 86/2015 / QH13, civil cryptographic products are not under the responsibility of the Ministry of Information and Communications.  - Pursuant to Clause 1, Article 42 of the Law on Cyber Information Security No. 86/2015 / QH13, the civil cryptographic product is not in the scope of the license to trade in cyber information security products and services.  (3) Firewall device has the function of the description as an anti-intrusion product, this is completely true, but almost 100% of firewall equipment has civil cryptographic encryption function. Therefore, the type of license required to import firewall equipment is the business license, the import of civil cryptographic products, not the license to trade and import security products.  (4) There are cases where the TMS products are subject to the application for the Business License of commercial safety products but are not required to apply for an import license, so the business may accidentally not know due to no problems when importing. For these products, businesses still have to apply for a business license in accordance with regulations.  (5) Network information security services under the license of the Ministry of Information and Communications do not include 03 types of civil cryptographic services managed by the Government Cipher Committee.  (6) TM products and services are those related to national security, only eligible enterprises can be licensed, and the Ministry of Information and Communication and the Department of Information Security has licensing plans from time to time. Up to the present time, only 84 enterprises have been licensed to trade in network information security products and services. |
| **Danh mục dịch vụ**  Dịch vụ an toàn thông tin mạng được chia thành 7 nhóm dịch vụ như sau:  a) Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng là dịch vụ giám sát, phân tích lưu lượng dữ liệu truyền trên hệ thống thông tin; thu thập, phân tích dữ liệu nhật ký theo thời gian thực; phát hiện và đưa ra cảnh báo sự kiện bất thường, có nguy cơ gây mất an toàn thông tin;  b) Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng là dịch vụ ngăn chặn các hành vi tấn công, xâm nhập vào hệ thống thông tin thông qua việc giám sát, thu thập, phân tích các sự kiện đang xảy ra trên hệ thống thông tin;  c) Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng là dịch vụ hỗ trợ tư vấn, kiểm tra, đánh giá, triển khai, thiết kế, xây dựng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin;  d) Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng là dịch vụ xử lý, khắc phục kịp thời sự cố gây mất an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin;  đ) Dịch vụ khôi phục dữ liệu là dịch vụ khôi phục dữ liệu trong hệ thống thông tin đã bị xóa hoặc hư hỏng;  e) Dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng là dịch vụ rà quét, kiểm tra, phân tích cấu hình, hiện trạng, dữ liệu nhật ký của hệ thống thông tin; phát hiện lỗ hổng, Điểm yếu; đưa ra đánh giá rủi ro mất an toàn thông tin;  g) Dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự là dịch vụ hỗ trợ người sử dụng bảo đảm tính bí mật của thông tin, hệ thống thông tin mà không sử dụng hệ thống mật mã dân sự. | **List of services**  Cyber information security services are divided into 7 groups of services as follows:  a) Network information security monitoring service is a service for monitoring and analyzing data traffic transmitted on an information system; collect and analyze log data in real-time; detect and issue warning unusual events, potentially causing information insecurity;  b) Network attack prevention and fighting service is a service that prevents acts of attacking or entering information systems through monitoring, collecting, and analyzing events happening on the information system. believe;  c) Network information security consulting service is a service to support consultancy, examination, evaluation, implementation, design, and construction of information security solutions;  d) Network information security incident response service means a service to promptly handle and remedy an incident causing information insecurity to an information system;  dd) Data recovery service means a service to restore data in an information system that has been deleted or damaged;  e) Network information security inspection and assessment service means scanning, checking, and analyzing the configuration, current status, and log data of an information system; detect flaws, weaknesses; provide information security risk assessment;  g) Information security service without using civil cryptography is a service that assists users in ensuring the confidentiality of information and information systems without using a civil cryptographic system. |
| **Dịch vụ xin Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng** | **Apply for Cyber Security Products and Services Trading License** |
| **1. Điều kiện xin Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng**  Các doanh nghiệp phải đạt được các điều kiện sau đây để được cấp giấy phép:  Yêu cầu đối đối với nhân sự (cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật):  - Có tối thiểu 02 kỹ sư tốt nghiệp một trong các ngành sau: điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán học, an toàn thông tin.  - Cán bộ quản lý điều hành tốt nghiệp một trong các ngành sau: điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán học, an toàn thông tin, hoặc có chứng chỉ đào tạo về an toàn thông tin.  Yêu cầu về con người, chứng chỉ đào tạo đối với doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm an toàn thông tin là thấp hơn yêu cầu đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ an toàn thông tin.  - Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với quy mô kinh doanh (doanh nghiệp cần liệt kê chi tiết về cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh).  - Có phương án kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin.  - Có phương án kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin phù hợp.  - Phù hợp với quy hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông theo từng thời kỳ. Hiện tại đã có tương đối nhiều doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm ATTTM nên việc cấp phép cho các doanh nghiệp mới được xiết chặt, việc cấp phép cho các doanh nghiệp không chuyên về sản phẩm, dịch vụ ATTTM hoặc có quy mô nhỏ được hạn chế.  - Doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài (có vốn đầu tư nước ngoài hoặc có người đại diện theo pháp luật, đội ngũ kỹ thuật, quản lý điều hành là công dân nước ngoài) sẽ có hạn chế khi xin giấy phép đối với một số hạng mục dịch vụan toàn thông tin mạng quan trọng.  - Trong trường hợp doanh nghiệp xin giấy phép kinh doanh đối với dịch vụ ATTTM thì người dại diện theo pháp luật và đội ngũ quản lý phải có lý lịch tư pháp trong sạch.  **2. Hồ sơ xin Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng**  (1) Đơn đề nghị cấp phép theo mẫu.  (2) Bản sao giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận pháp nhân có giá trị tương đương  (3) Bản sao văn bằng chứng chỉ liên quan đến bảo mật, ATTTM của đội ngũ kỹ thuật và cán bộ quản lý.  (4) Bản thuyết minh về trang thiết bị và cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ kinh doanh.  (5) Phương án kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.  (6) Phương án kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho sản phẩm ATTTM (áp dụng đối với kinh doanh dịch vụ).  (7) Phương án bảo mật thông tin khách hàng trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng (áp dụng đối với kinh doanh dịch vụ).  (8) Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật và đội ngũ quản lý điều hành có liên quan (áp dụng đối với kinh doanh dịch vụ).  Bộ hồ sơ liệt kê trên cần được chuẩn bị thành 5 bộ, bao gồm một bộ gốc và 04 bộ bản sao. Các văn bằng tốt nghiệp đại học cần phải chuẩn bị bản sao công chứng hoặc chứng thực, các chứng chỉ khác có thể sử dụng bản sao do doanh nghiệp xác thực (đóng dấu sao y hoặc dấu treo).  (9) Hiện tại Bộ Thông tin và Truyền thông chưa áp dụng chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn áp dụng đối với tính năng an toàn thông tin mạng nhưng việc chứng nhận hợp quy này đã được lên kế hoạch triển khai và có thể sớm được áp dụng vào nửa đầu 2021. Khi việc triển khai chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn áp dụng đối với tính năng an toàn thông tin mạng thì doanh nghiệp còn phải chuẩn bị thêm giấy chứng nhận hợp quy để bổ sung vào hồ sơ  **3. Cơ quan tiếp nhận và thụ lý hồ sơ xin Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng**  Sau khi chuẩn bị đầy đủ bộ hồ sơ, doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Cục An toàn Thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông (AIS). Quy trình thẩm định điều kiện và đánh giá hồ sơ thông thường sẽ từ 1 - 2 tháng tùy theo việc chuẩn bị các hồ sơ xin cấp phép đã đầy đủ và chi tiết hay chưa.  Hồ sơ xin cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ ATTTM sẽ do Cục An toàn Thông tin xử lý và Thẩm định, sau đó đệ trình lên Bộ Thông tin và Truyền thông duyệt. Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng trực tiếp do Bộ Thông tin và Truyền thông ký ban hành.  Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ ATTTM có thời hạn hiệu lực 10 năm, phí cấp phép sẽ phụ thuộc vào số loại sản phẩm, dịch vụ xin cấp phép. Trong quá trình kinh doanh, nếu doanh nghiệp có nhu cầu mở rộng loại hình sản phẩm, dịch vụ hoặc thay đổi liên quan đến giấy phép, doanh nghiệp làm bộ hồ sơ bổ sung, sửa đổi giấy phép kinh doanh theo quy định tại Luật An toàn Thông tin mạng số 86/2015/QH13 và Nghị Định số 108/2016/NĐ-CP.  Khác với giấy phép cho sản phẩm mật mã dân sự, giấy phép kinh doanh sản phẩm ATTTM được cấp cho các nhóm sản phẩm, không liệt kê sản phẩm cụ thể. Doanh nghiệp có thể sử dụng giấy phép kinh doanh để xin giấy phép nhập khẩu cho nhiều sản phẩm khác nhau trong cùng nhóm sản phẩm đã được cấp phép kinh doanh. | **1. Requirements for Cyber Security Products and Services Trading License application:**  Importer / Dealer must meet below requirements and conditions in order to be granted trading license by Government Cipher Department:  Meet requirements on qualification of technical team (engineer and manager):  - Having at least 02 technical engineers having appropriate education degrees which is one of electronic, tele-communication, cyber security, information and technology, or mathematics degree.  - Having at least a manager having appropriate education degrees which is one of electronic, tele-communication, cyber security, information and technology, or mathematics degree. If not one of the list degrees, the manager must be trained and obtain a license on Cyber Security  -Requirements are lower if applicant applies for Cyber Security Product Trading License only and requirements are higher if applicant applies for both Cyber Security Products and Services Trading License  - Meet requirements on infrastructure including working space, equipment, functional departments suitable for targeted sale volume of cryptography product and services  -Having technical plan meet requirements of national technical regulations and technical standards  -Have suitable business plan  - Meet requirement of MIC allocation plan  **2. Application doosier for Cyber Security Products and Services Trading License**  (1) Application letter  (2) A copy of Vietnam Business Registration License or Investment License or equivalent  (3) Copies of Education Degrees and certificates of technical team and manager(s)  (4) Technical plan for applied scope  (5) Cyber security plan for applied scope  (6) Business plan for applied scope  (7) Customer information security plan in the process of providing network information security products and services (applicable to service business).  (8) Judicial record of the legal representative and related management team (applicable to service business). The documents listed above should be prepared in 5 sets, including one original and 04 copies. College graduate diplomas need to prepare notarized or authenticated copies, other certificates can use business-authenticated copies (with a stamp or seal).  (9) Currently, the Ministry of Information and Communications has not applied the standard conformity certification applicable to the network information security feature, but this certification has been planned to implement and may soon. is applied in the first half of 2021. When implementing regulation conformity certification applicable to network information security features, enterprises must prepare additional certificates of conformity to supplement their documents.  **3. Licensing Authority for Cyber Security Products and Services Trading License**  - After preparing applications dossier, applicant send a hard copy set of application dossier to Authority of Infomation Security (AIS) of under MIC Vietnam  - Process to review application documents should take around 1 month – 2 months depending how well the application documents were prepared.  Cyber Security Products and Services Trading License has validity of 10 years. If license holder would like to modify, add more products/services scope, license holder need to apply for license modification. After having the trading license, importer shall have also apply for import permit for importing cyber security products |
| **Dịch vụ xin giấy phép nhập khẩu (xuất khẩu) sản phẩm an toàn thông tin mạng**  **1. Điều kiện và thủ tục xin giấy phép nhập khẩu (xuất khẩu) sản phẩm an toàn thông tin mạng**  Đối với các sản phẩm ATTTM được liệt kê chi tiết tại Phụ lục 1 của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTTT, doanh nghiệp phải có giấy phép nhập khẩu mới đủ điều kiện để được thông quan. Sau khi đã có được Giấy phép kinh doanh sản phẩm ATTTM, doanh nghiệp chuẩn bị bộ hồ sơ xin Giấy phép nhập khẩu sản phẩm ATTTM cho các sản phẩm này bao gồm:  - Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo mẫu quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BTTTTT  - Bản sao Giấy phép kinh doanh sản phẩm (và dịch vụ) an toàn thông tin mạng  - Bản sao giấy chứng nhận hợp quy cấp cho thiết bị ATTTM theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông (hiện tại chưa có quy chuẩn, dự kiến Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ sớm ban hành để áp dụng vào cuối năm 2020 hoặc năm 2021).  Giấy phép nhập khẩu sản phẩm ATTTM được cấp cho một danh sách sản phẩm cụ thể với thời hạn hiệu lực 02 năm hoặc không vượt quá thời hạn hiệu lực còn lại của Giấy phép kinh doanh. Sau khi giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực, doanh nghiệp nhập khẩu phải xin cấp phép lại với điều kiện là giấy phép kinh doanh vẫn còn hiệu lực.  Trong trường hợp doanh nghiệp chưa có các hợp đồng mua bán sản phẩm ATTTM với số lượng lớn, hiện nay Cục An toàn Thông tin chỉ xem xét cấp phép nhập khẩu cho một số nhỏ vừa đủ để làm demo hoặc quảng bá giới thiệu sản phẩm nhằm mục đích quản lý các sản phẩm chặt chẽ hơn. | **Cyber Security Product import / export permit**  **1. Requirement and procedure to obtain Cyber Security Product import / export permit**  Required documents in acordance with Circular 13/2018/ND-CP of MIC Vietnam:  - Import Permit application form  - A copy of Cyber Security (and Services) Trading License  - A copy of Type Approval certificate for Cyber Security Product according to MIC technical regulation(s)  Cyber Security Product import permit granted at 02 years validity or not exceed validity period of Cyber Security Product Trading license . |
| **DỊCH VỤ XIN GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ** | **Frequency license** |
| **Văn bản pháp quy**  Nghị định tần số  05/2015/TT-BTTTT  46/2016/TT-BTTTT  18/2018/TT-BTTTT | **Legal documents**  Decree frequency  05/2015 / TT-BTTTT  46/2016 / TT-BTTTT  18/2018 / TT-BTTTT |
| **Danh mục:**  các thiết bị thu phát vô tuyến không phải loại cự ly ngắn quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BTTTT (được sửa đổi và bổ sung bởi thông tư số 18/2018/TT-BTTTT) của Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam phải xin giấy phép tần số trước khi sử dụng  Các thiết bị điển hình phải xin giấy phép tần số khi sử dụng:  1/ Radar hàng hải  2/ Thiết bị vi ba  3/ Máy bộ đàm mặt đất  4/ Máy điện đàm MF/HF/VHF  5/ Các thiết bị vô tuyến vệ tinh  6/ Các thiết bị phát thanh và truyền hình quảng bá  7/ Thiết bị âm thanh không dây sử dụng cho phát thanh truyền hình  8/ Thiết bị TETRA sử dụng trong hệ thống tàu điện ngầm và tàu điện trên cao  9/ Thiết nhận dạng RFID sử dụng trong hệ thống thu phí giao thông tự động….  Lưu ý  Các tần số điện thoại 2G/3G/4G thuộc diện xin cấp phép, tuy nhiên người sử dụng điện thoại (hoặc thiết bị đầu cuối) không phải xin cấp phép mà trách nhiệm xin giấy phép tần số thuộc về nhà cung cấp dịch vụ (VD MobFone, Vinaphone, Viettel..)  Các thiết bị vô tuyến cự ly ngắn không thỏa mãn điều kiện kỹ thuật và điều kiện hoạt động quy định tại thông tư 46/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông thì bị cấm nhập khẩu và sử dụng, không được cấp phép tần số.  Đối với một số thiết bị đặc biệt, việc cấp giấy phép tần số sẽ theo địa điểm lắp đặt thiết bị phát mặc dù các địa điểm này vẫn sử dụng chu một tần số phát | **Category:**  Pursuant to Circular No. 46/2016/TT-BTTTT (amended and supplemented by Circular No. 18/2018/TT-BTTTT) of the Ministry of Information and Communications of Vietnam (or a circular of the MIC which shall replace the Circular No. 46/2016/TT-BTTTT in the future), radio frequency license is required for transmitters and transceivers which are not under short-range radio group, and not exempted by Circular No. 46/2016/TT-BTTTT  **Typical devices must apply for frequency licenses before using as below:**  (1) Marine radar  (2) Microwave device  (3) Land mobile / fix radio  (4) MF / HF / VHF used on ships  (5) Satellite radio transmitter and transceivers  (6) Sound and television broadcasting radio transmitter and transceivers  (7) Wireless audio equipment used for sound and television broadcasting services  (8) TETRA equipment used in MRT systems and sky trains  (9) High power (up to 2W ERP) RFID reader used in automatic traffic toll collection system....  Note   The 2G / 3G / 4G / 5G cellular frequencies are subject to licensing, however, the users of the smart phone (or the terminal equipment) are not subjected to apply for a license but the responsibility for the frequency license belongs to the local network carriers. (eg: Mobiphone, Vinaphone, Viettel ..)  - The 2G / 3G / 4G / 5G cellular frequencies are for bidding / auction, not available to apply via normal procedure.  - SRDs that do not meet the technical conditions and operational conditions stated in Circular 46/2016/TT-BTTTT of the MIC are prohibited from import and use in Vietnam. No license frequency is available.  - For some special equipment, the frequency licensing will indicate the location of use and applicant must apply for licenses of all the locations although transmitting frequency is still same among the locations. |
| **Dịch vụ xin cấp giấy phép sử dụng tần số:**  Hồ sơ xin cấp phép bao gồm:  1/ Bản khai xin cấp giấy phép tần số  2/ Giấy chứng minh nhân dân / thẻ căn cước (cá nhân) hoặc Giấy đăng ký kinh doanh / chứng nhận đầu tư (pháp nhân)  3/ Giấy phép khác có liên quan (Ví dụ giấy phép thiết lập mạng viễn thông đối với phát thanh, truyền hình)  4/ Một số tài liệu khác đối với các trường hợp đặc thù (Bản mô tả số lượng thiết bị, thông số kỹ thuật sản phẩm…) | **Frequency license**  An application for a license includes:  1 / Application form for a frequency license  2 / Identity card / ID card (personal) or Business registration / investment certificate (legal entity)  3 / Other related licenses (For example license to establish telecommunications network for radio and television)  4 / Some other documents for specific cases (Description of equipment quantity, product specifications ...) |

**Công ty TNHH GV sẽ giúp bạn những gì khi sử dụng dịch vụ của chúng tôi?**

► Tư vấn các thủ tục pháp lý cần thiết bao gồm nhưng không giới hạn Chứng nhận hợp quy, Công bố hợp quy để sản phẩm được lưu hành ra thị trường một cách tuân thủ và hợp pháp

► Xác định đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn cần thiết áp dụng cho thiết bị qua đó tránh được sai sót, tiết kiệm thời gian và chi phí

► Rút ngắn thời gian đo kiểm, kết nối kỹ sử của Phòng thử nghiệm với kỹ sư Nhà sản xuất để cấu hình mẫu thử nghiệm và bài đo, xử lý các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong quá trình đo

► Hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn bị các hồ sơ pháp lý, tài liệu kỹ thuật theo đúng biểu mẫu, quy định của cơ quan chức năng, giảm thiểu rủi ro giải trình, bổ sung hồ sơ nhiều lần, đảm bảo đạt được kết quả phê duyệt từ cơ quan chức năng theo thời hạn bằng hoặc ngắn hơn quy định khi hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

► Chủ động liên lạc với nhà sản xuất, phòng thử nghiệm để cần giải trình với cơ quan chức năng về hồ sơ kỹ thuật nếu được yêu cầu

► Khách hàng không cần đi nhiều Bộ Ngành để có thể nhập khẩu các sản phẩm yêu cầu nhiều hình thức quản lý của các Bộ khác nhau, GV có thê hỗ trợ tất cả trong 1 gói sản phẩm.

**What will GV company help you when using our services?**

► Consulting necessary legal procedures including, but not limited to, Certificate of Conformity, Declaration of Conformity for products to be circulated in the market in compliance and legal manner.

► Determine the necessary standards and regulations applied to the equipment, thereby avoiding errors, saving time and costs.

► Shorten the testing time, connect the laboratory technician with the Manufacturer engineer to configure test samples and measurements, handle complex technical problems during the measurement

► Supporting enterprises to prepare legal documents, technical documents in accordance with the forms and regulations of relevant authorities, minimizing the risk of explanation, adding records multiple times, ensuring results. Approval from the authorities by the time limit equal to or shorter than the prescribed time when the dossier is complete and valid.

► Actively contact the manufacturer, laboratory to explain to the authorities about technical records if required.

► Customers do not need to go to many Ministries to import products that require different management forms of different ministries, teachers can support all in one package.

|  |
| --- |
| **Tin tức luật** |
| Dự thảo quy chuẩn, thông tư |
| Văn bản ban hành |
| Tin tức mới |

|  |
| --- |
| **Law News** |
| Draft regulations and circulars |
| Issued documents |
| News |

**I/ Dự Thảo quy chuẩn, thông tư**

Lấy thông tin từ đây: <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=&area=0&match=True&type=0&status=100&signer=0&sort=1&lan=0&scan=0&org=0&fields=11>

**I / Draft regulations and circulars**

Get information from here: https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=&area=0&match=True&type=0&status=100&signer=0&sort=1&lan=0&scan=0&org=0&fields=11

II/ Văn bản ban hành

Lấy thông tin từ đây:

<https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=&area=0&match=True&type=39&status=0&signer=0&sort=1&lan=0&scan=0&org=0&fields=108>

<http://www.cuctanso.vn/van-ban/Pages/van-ban.aspx>

<https://www.most.gov.vn/vn/Pages/vanbanphapluat.aspx?TypeVB=1>

II / Documents issued

Get information from here:

<https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=&area=0&match=True&type=39&status=0&signer=0&sort=1&lan=0&scan=0&org=0&fields=108>

<http://www.cuctanso.vn/van-ban/Pages/van-ban.aspx>

<https://www.most.gov.vn/vn/Pages/vanbanphapluat.aspx?TypeVB=1>

III/ Tin tức mới

<https://www.mic.gov.vn/mic_2020/Pages/trangchu_2020.aspx>

<https://www.most.gov.vn/vn/Pages/vanbanphapluat.aspx?TypeVB=1>

III/ News

<https://www.mic.gov.vn/mic_2020/Pages/trangchu_2020.aspx>

<https://www.most.gov.vn/vn/Pages/vanbanphapluat.aspx?TypeVB=1>